

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 302/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-12-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Phạm Mạnh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 306/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn A; nơi cư trú: Thôn Hào Lai, xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị B; ĐKKHKT: Thôn Hào Lai, xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là Anh Nguyễn Văn A trình bày:

Anh Nguyễn Văn A kết hôn với Chị Phạm Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 18/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian đến khoảng đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không cùng chung quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến việc thường xuyên cãi vã. Đến năm 2019, Chị B sang Nhật Bản sinh sống và làm việc, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình, bạn bè đã hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay, Anh A và Chị B không còn liên lạc và quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh A không biết địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản của Chị B nên không cung cấp cho Tòa án được. Anh được biết hiện nay Chị B vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại cho em trai ruột của Chị B là anh Phạm Văn Chính. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên Anh A làm đơn xin yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn Chị Phạm Thị B.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn A và Chị Phạm Thị B có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Nam Phong, sinh ngày 22/12/2014, hiện nay cháu đang ở với Anh A. Ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giao con chung cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn là Chị Phạm Thị B:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Phạm Văn Chính – là em trai ruột của Chị Phạm Thị B. Tòa án đã thông báo cho anh Phạm Văn Chính cung cấp địa chỉ cụ thể của Chị Phạm Thị B ở Nhật Bản và yêu cầu anh Phạm Văn Chính cho biết kết quả về việc bà đã thông báo cho Chị Phạm Thị B để gửi lời khai đối với yêu cầu xin ly hôn của Anh Nguyễn Văn A cho Tòa án. Anh Phạm Văn Chính trình bày Chị Phạm Thị B vẫn liên lạc qua điện thoại với anh nhưng anh không biết địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản của Chị Phạm Thị B ở đâu do Chị B không cung cấp. Anh đã thông báo cho Chị Phạm Thị B về yêu cầu của Tòa án tuy nhiên Chị B không thực hiện việc cung cấp địa chỉ và gửi lời khai về cho Tòa án. Chị B trao đổi qua điện thoại với anh như sau: Chị B có quan điểm đồng ý ly hôn với Anh A. Về con chung: Chị B và Anh A có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Nam Phong, sinh ngày 22/12/2014, hiện đang ở với Anh A. Ly hôn, Chị B đồng ý giao con chung cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của anh Phạm Văn Chính như sau:

Anh A và Chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 18/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian ngắn và có với nhau một con chung. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm sống, lối sống, tính cách không phù hợp. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Anh Chinh yêu cầu Tòa án giải quyết cho Anh Nguyễn Văn A được ly hôn Chị Phạm Thị B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai anh chị, giao con chung cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị B, Anh A không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227, Điều 228** và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho Anh Nguyễn Văn A được ly hôn Chị Phạm Thị B. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Nam Phong, sinh ngày 22/12/2014 cho Anh Nguyễn Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, Anh Nguyễn Văn A không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với Chị Phạm Thị B. Do đó quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Chị Phạm Thị B có đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở Nhật Bản, Anh Nguyễn Văn A hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Văn A có đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Phạm Thị B vắng mặt tại địa phương, sinh sống ở nước ngoài nhưng không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án và nguyên đơn biết. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng, Chị B đã biết các văn bản tố tụng của Tòa án được gửi cho chị thông qua anh Phạm Văn Chính nhưng Chị B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A và Chị Phạm Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 18/3/2014. Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của Anh A và em trai ruột của Chị B (anh Phạm Văn Chính) thể hiện quá trình chung sống vợ chồng Anh A, Chị B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Dù hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh Chính trình bày qua trao đổi bằng điện thoại với anh, Chị B có quan điểm đồng ý ly hôn với Anh A do xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Nguyễn Văn A đối với Chị Phạm Thị B.

[4] Về con chung: Anh A và Chị B có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Nam Phong, sinh ngày 22/12/2014, hiện nay cháu đang ở với Anh A. Ly hôn, Anh A yêu cầu giao con chung cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Qua lời trình bày của em trai ruột Chị B thì Chị B đồng ý giao con chung cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy Chị B hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Cháu

Nguyễn Hoàng Nam Phong hiện đang ở với Anh A, Anh A vẫn đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dạy con. Mặt khác, cháu Nguyễn Hoàng Nam Phong có nguyện vọng muốn được ở với bố trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn. Do đó, việc Anh A yêu cầu giao con chung cho Anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của con chung nên cần được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận việc Anh A tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn A và Chị Phạm Thị B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A được ly hôn Chị Phạm Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Nam Phong, sinh ngày 22/12/2014 cho Anh Nguyễn Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận việc Anh Nguyễn Văn A tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000261 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Văn A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Phạm Thị B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Hùng - Nguyễn Thanh Hải

Bùi Thị Thúy Hà

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyện

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyện

Đặng Hồ Điệp

